**Use case:** Nhắn tin

| Use case ID | **3** |
| --- | --- |
| Use case name | Nhắn tin |
| Description | Là nhân viên, tôi muốn gửi và nhận tin nhắn. |
| Actor | Nhân viên |
| Priority | Medium |
| Triggers | Nhân viên chọn chức năng nhắn tin. |
| Pre - Conditions | * Nhân viên truy cập vào web. * Nhân viên đăng nhập thành công. * Nhân viên thực hiện chức năng nhắn tin. * Thiết bị người dùng đã được kết nối internet |
| Post - Conditions | * Người dùng nhận được tin nhắn và gửi được tin nhắn. |
| Main flow | 1. Người dùng chọn một dự án “Đang được tiến hành”. 2. Người dùng chọn chức năng nhắn tin. 3. Hệ thống hiển thị box chat. 4. Người dùng chọn xem tin nhắn. 5. Người dùng nhập nội dung và nhấn gửi. 6. Hệ thống hiển thị gửi tin nhắn thành công. 7. Hệ thống cập nhật và lưu tin nhắn. |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | 1a. Nếu chọn dự án trong tình trạng “Chưa bàn giao”/ “Đã bàn giao”/ “Hoàn thành” thì thông báo: “Box chat hiện đang đóng.” và kết thúc.  4a. Nếu trong quá trình lưu bị lỗi server/ không có kết nối Internet thì thông báo: “Gửi không thành công” và kết thúc. |
| Business rules | N/A |
| Non - functional | 1. Mỗi box chat được đặt tên của dự án kiểm định đó.  2. Mỗi dự án có một khung nhắn tin riêng. |

A screenshot of a computer

Description automatically generated